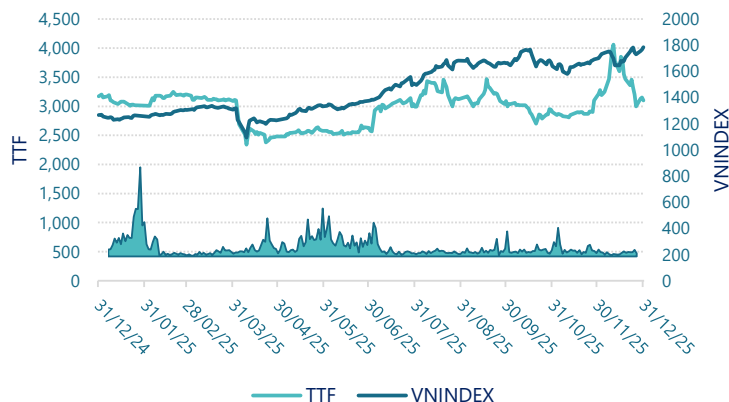




CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HSX: TTF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,060
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,340
SL cổ phiếu LH	393,532,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,123,930
% sở hữu nước ngoài	5.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,220
P/E	81.1
EPS	38

DT thuần

Q4/25

491

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 179 | 57.5%

YoY: ▲ 202 | 70.1%

LN sau thuế

Q4/25

22.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.7 | 282%

YoY: ▼ 18.3 | -45.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

1,220

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.00 | -0.3%

LN sau thuế

2025

14.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.57 | 103%

ROE

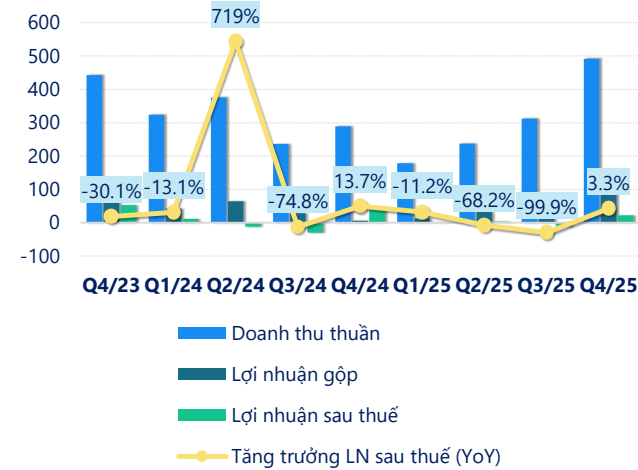
2025

3.8%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

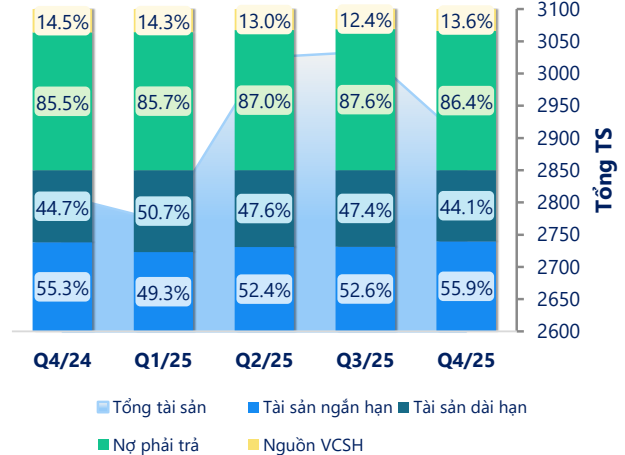
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

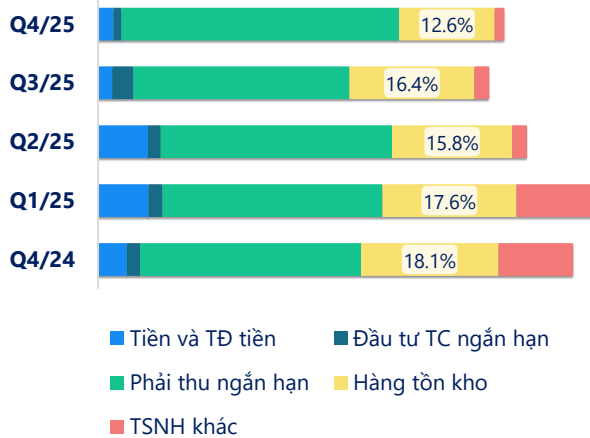
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



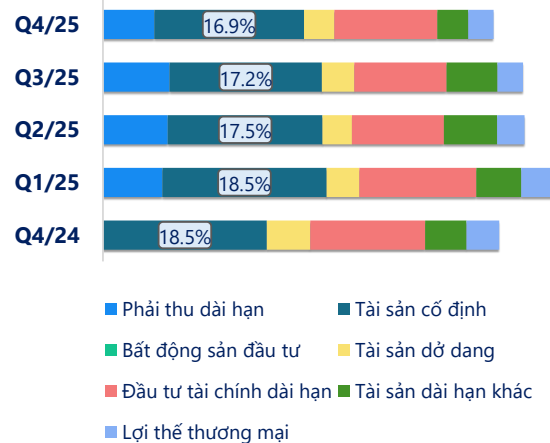
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

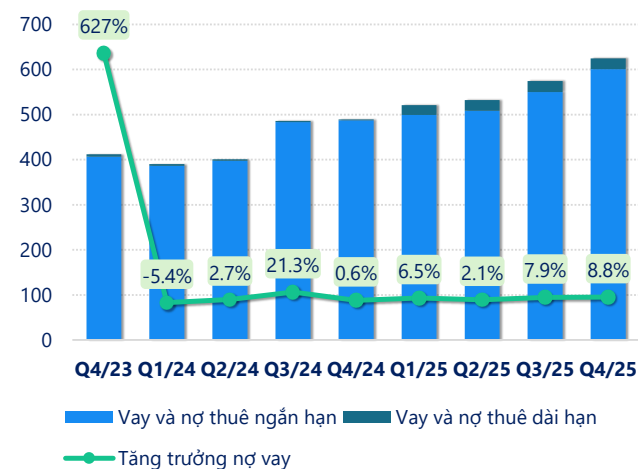
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

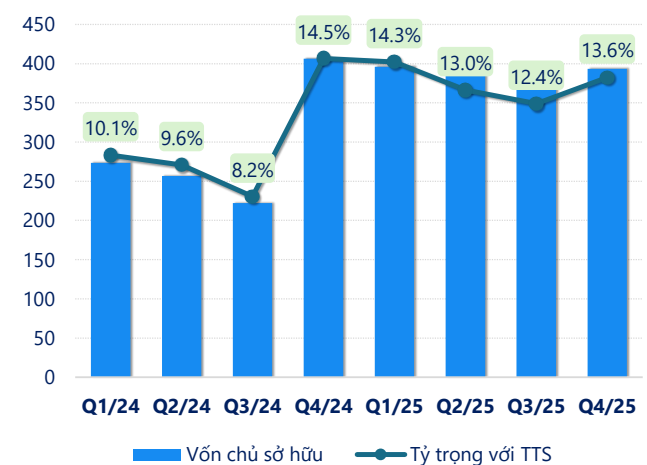
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

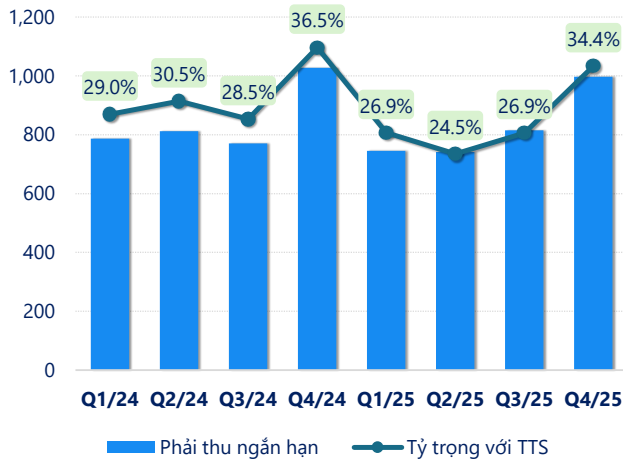
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


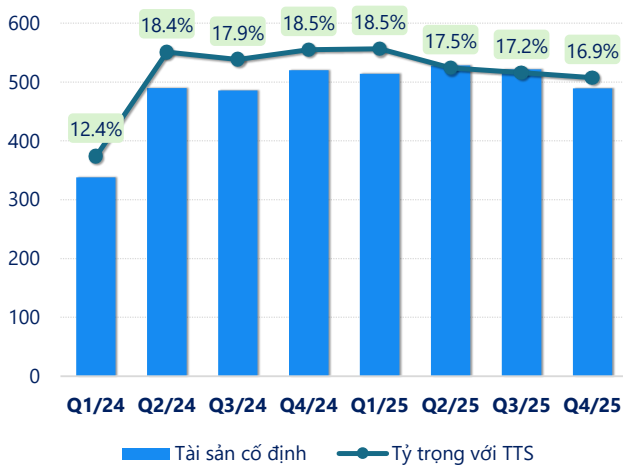
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

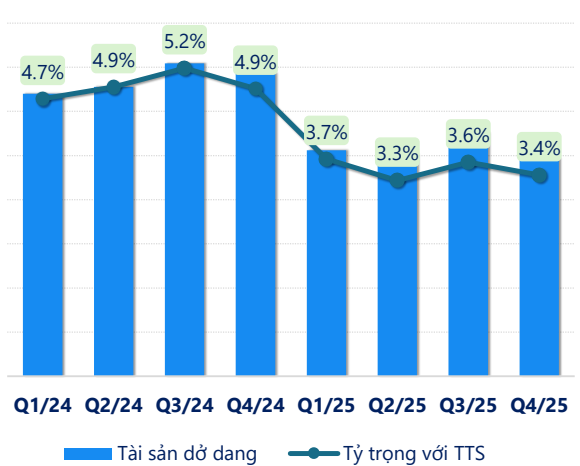

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

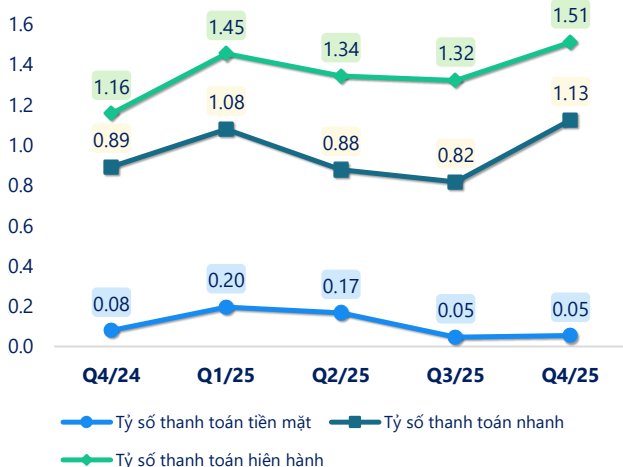
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

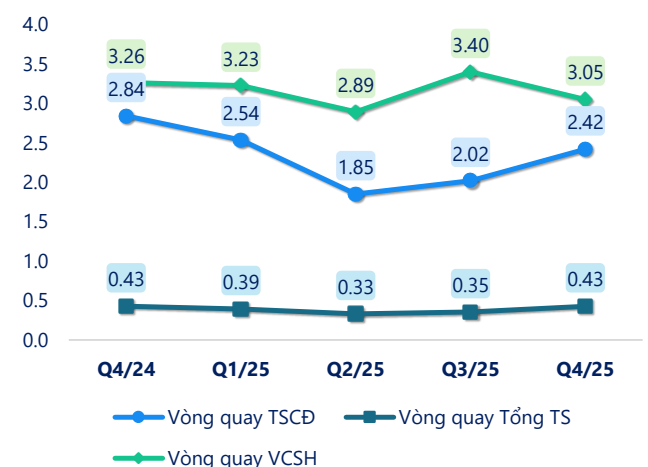
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,810	2,771	3,025	3,034	2,894
Tài sản ngắn hạn	1,553	1,365	1,586	1,595	1,619
Tiền và tương đương tiền	106	184	198	56.0	57.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.7	39.1	50.0	64.5	97.9
Phải thu ngắn hạn	1,027	745	741	815	997
Hàng tồn kho	354	352	550	609	414
Tài sản ngắn hạn khác	35.6	44.9	47.1	50.8	52.3
Tài sản dài hạn	1,257	1,406	1,439	1,438	1,275
Phải thu dài hạn	0	185	221	228	167
Tài sản cố định	520	514	528	522	489
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	137	102	101	110	98.9
Đầu tư tài chính dài hạn	364	366	313	316	336
Tài sản dài hạn khác	132	140	183	174	101
Lợi thế thương mại	104	98.5	93.3	88.0	82.7
Nợ phải trả	2,404	2,375	2,631	2,657	2,500
Nợ ngắn hạn	1,342	939	1,180	1,207	1,071
Vay và nợ thuê ngắn hạn	487	499	508	550	601
Phải trả người bán ngắn hạn	231	173	161	189	186
Nợ dài hạn	1,062	1,436	1,451	1,450	1,429
Vay và nợ thuê dài hạn	2.00	21.9	23.9	24.2	23.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	406	396	394	376	394
Vốn chủ sở hữu	406	396	394	376	393
Vốn điều lệ	4,112	4,112	4,112	4,112	4,112
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03

(Nguồn: fireant.vn)